



BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 117/2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

THÔNG TƯ

**Quy định miễn, giảm một số khoản phí, lệ phí để triển khai
Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2026
của Chính phủ về phát triển công dân số**

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP của Chính phủ về phát triển công dân số;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định miễn, giảm một số khoản phí, lệ phí để triển khai Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP của Chính phủ về phát triển công dân số.

Điều 1. Miễn, giảm một số khoản phí, lệ phí để triển khai Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP về phát triển công dân số

Từ ngày 15 tháng 8 năm 2026 đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027, công dân Việt Nam có tài khoản định danh điện tử mức độ 2, đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP được miễn, giảm một số khoản phí, lệ phí theo quy định của Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP, bao gồm:

1. Giảm mức thu lệ phí trước bạ như sau:

a) Giảm 10% mức thu lệ phí trước bạ đối với nhà, đất nhận chuyển nhượng khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP quy định về lệ phí trước bạ.

b) Giảm 50% mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống nộp lệ phí trước bạ lần thứ 2 trở đi khi đăng ký quyền sở hữu theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 175/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ.

c) Giảm 100% mức thu lệ phí trước bạ đối với xe mô tô nộp lệ phí trước bạ lần thứ 2 trở đi khi đăng ký quyền sở hữu theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 175/2025/NĐ-CP. Xe mô tô quy định tại điểm này được xác định theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Chính sách giảm mức thu lệ phí trước bạ theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này chỉ áp dụng 01 lần duy nhất đối với mỗi loại tài sản (nhà, đất; ô tô; xe mô tô) cho 01 công dân trong 01 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và chỉ thực hiện trong thời gian Nghị quyết số 66.22/NQ-CP có hiệu lực. Số tiền lệ phí trước bạ được giảm tối đa không quá 05 lần mức lương cơ sở tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ.

d) Điều kiện giảm mức thu lệ phí trước bạ quy định tại STT 1 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP được quy định như sau:

Công dân sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2, thực hiện khai và nộp hồ sơ khai lệ phí trước bạ bằng phương thức điện tử theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và đáp ứng các điều kiện sau:

Đối với nhà, đất: Bên chuyển nhượng đã tích hợp thành công trên ứng dụng VNeID các thông tin, giấy tờ sau: 05 loại thông tin, giấy tờ cơ bản theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP, mã số thuế cá nhân và thông tin về quyền sử dụng đất.

Trường hợp hồ sơ được thực hiện bằng phương thức điện tử thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký đất đai có trách nhiệm xác định, cung cấp các thông tin thuộc phạm vi dữ liệu của hệ thống do cơ quan mình quản lý bao gồm cả phương thức nộp hồ sơ và thể hiện trên Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai. Trên cơ sở thông tin do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp, kết quả xác thực điều kiện hưởng chính sách trên Hệ thống định danh và xác thực điện tử, cơ quan thuế thực hiện xác định nghĩa vụ lệ phí trước bạ, bao gồm cả việc xác định trường hợp được giảm lệ phí trước bạ theo quy định.

Đối với xe (ô tô, xe mô tô): Bên chuyển nhượng đã tích hợp thành công trên ứng dụng VNeID các thông tin, giấy tờ sau: 05 loại thông tin, giấy tờ cơ bản theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP, mã số thuế cá nhân và thông tin về đăng ký xe.

2. Miễn phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch quy định tại STT 4 Biểu mức thu tại Điều 4 Thông tư số 281/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

3. Miễn lệ phí đăng ký cư trú quy định tại Biểu mức thu lệ phí đăng ký cư trú ban hành kèm theo Thông tư số 75/2022/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú.

4. Miễn lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 73/2024/TT-BTC quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

5. Miễn phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 16/2025/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

6. Miễn lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện giao thông đường bộ đối với các trường hợp đổi, cấp lại giấy phép lái xe (quốc gia và quốc tế) quy định tại Số TT 2 Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 154/2025/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

7. Miễn lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông đối với các trường hợp đổi chứng nhận đăng ký xe và biển số xe cơ giới, cấp chứng nhận đăng ký xe tạm thời và biển số xe tạm thời quy định tại Số TT II và Số TT III Biểu mức thu lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông ban hành kèm theo Thông tư số 155/2025/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông.

8. Miễn lệ phí cấp hộ chiếu, giấy thông hành và giấy phép xuất cảnh quy định tại mục I Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 28/2026/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 81/2026/TT-BTC (gọi chung là mục I Biểu mức thu phí, lệ phí) đối với các trường hợp như sau:

a) Cấp hộ chiếu phổ thông trong nước theo quy định tại Số TT 1 mục I Biểu mức thu phí, lệ phí.

b) Cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam - Lào cho công dân Việt Nam có hộ khẩu thường trú ở tỉnh có chung đường biên giới với Lào theo quy định tại điểm a Số TT 2 mục I Biểu mức thu phí, lệ phí.

c) Cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam - Campuchia cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định tại điểm a Số TT 2 mục I Biểu mức thu phí, lệ phí.

d) Cấp giấy thông hành nhập xuất cảnh vùng biên giới cho cán bộ, công chức làm việc tại các cơ quan nhà nước có trụ sở đóng tại đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh của Việt Nam tiếp giáp với đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc theo quy định tại điểm b Số TT 2 mục I Biểu mức thu phí, lệ phí.

đ) Cấp giấy thông hành nhập xuất cảnh vùng biên giới cấp cho công dân Việt Nam thường trú tại đơn vị hành chính cấp xã tiếp giáp đường biên giới Việt

Nam - Trung Quốc theo quy định tại điểm c Số TT 2 mục I Biểu mức thu phí, lệ phí.

e) Cấp mới thẻ ABTC, cấp lại thẻ ABTC theo quy định tại điểm c Số TT 3 mục I Biểu mức thu phí, lệ phí.

9. Giảm 50% mức thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, tàu bay), tàu biển, cây hàng năm, công trình tạm quy định tại Số TT 1 và Số TT 2 Biểu mức thu phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm ban hành kèm theo Thông tư số 61/2023/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

10. Giảm 50% mức thu phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy quy định tại Điều 4 Thông tư số 70/2025/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy. Mức thu phí tối thiểu là 250.000 đồng/dự án và mức thu phí tối đa là 75.000.000 đồng/dự án.

Các Thông tư được viện dẫn tại Điều này gọi chung là Thông tư gốc. Trường hợp các Thông tư gốc tại khoản 1, khoản 9 và khoản 10 Điều này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì mức thu các khoản phí, lệ phí quy định tại các khoản này được tính bằng tỷ lệ mức thu tương ứng nhân với mức thu phí, lệ phí tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2026 đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027. Từ ngày 01 tháng 3 năm 2027, mức thu các khoản phí, lệ phí quy định tại Điều 1 Thông tư này thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

2. Trường hợp công dân vừa được hưởng miễn, giảm phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư này, vừa được hưởng các chính sách khuyến khích theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật khác thì được áp dụng mức ưu đãi cao nhất.

3. Việc miễn lệ phí hộ tịch và miễn phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thủ tục đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đăng ký biến động đất đai tại địa phương thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP.

4. Các nội dung khác liên quan đến: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; tổ chức thu phí, lệ phí; người nộp phí, lệ phí; các trường hợp miễn phí, lệ phí; kê khai, nộp phí, lệ phí; mức thu các khoản phí, lệ phí; quản lý, sử dụng phí; chứng từ thu, công khai chế độ thu phí, lệ phí không quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc được viện dẫn, các văn bản sửa

đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Thuế, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Kho bạc Nhà nước các khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (160b) *42*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn